

Bản án số: 175/2020/DS-PT

Ngày: 07- 7- 2020

V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất
và quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tón – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18/6/2020 và 07/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm C khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLPT-DS ngày 31/01/2020 về Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã H bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 168/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đinh Văn C, sinh năm 1952;

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là: Anh Đinh Hồng K, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2020).

- *Bị đơn:* Đinh Văn C1, sinh năm 1962;

Người đại diện theo ủy quyền của ông C1 là: Ông Đinh Văn M, sinh năm 1933; Cùng địa chỉ: Khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/5/2020).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đinh Văn M, sinh năm 1933 (Cha ông C1);
2. Nguyễn Thị P, sinh năm 1966 (Vợ ông C1);
3. Đinh Thanh T, sinh năm 1990 (Con ông C1);
4. Đinh Phú T, sinh năm 1992 (Con ông C1);

Cùng địa chỉ: Khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M là: Luật sư Lê Phi Tùng – Trợ giúp viên pháp lý của Trung T Trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số nhà 269, Ấp 1, xã Phú Ninh, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm 1953 (Vợ ông C);
6. Đinh Xuân N, sinh năm 2000 (Cháu nội ông C);

Người đại diện theo ủy quyền của bà V và anh N là: Anh Đinh Hồng K, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2020).

7. Ủy ban Nhân dân thị xã H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn Ne, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân thị xã H (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/10/2018) (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm An Thạnh A, phường An Lộc, thị xã H, Đồng Tháp.

8. Phan Văn Út E, sinh năm 1982 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Ông Đinh Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Đinh Văn C trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội ông là cụ Đinh Văn Mới (Chết năm 1976) và cụ Ngô Thị Hội (Chết năm 1971) để lại cho ông thừa hưởng. Cụ Mới và cụ Hội có 03 người con là bà Đinh Thị Hai (Đã chết), ông Đinh Văn Hưng (Đã chết) và ông Đinh Văn M. Do ông Hưng là cha của ông chết sớm nên ông sống chung với ông bà nội từ nhỏ đến khi ông bà nội của ông qua đời. Khi còn sống thì ông nội của ông có di chúc miệng cho ông một phần đất nhưng không nói diện tích bao nhiêu, có chỉ ranh đất theo trụ đá còn như hiện nay. Lúc chỉ ranh có bà Út vợ ông M biết (Hiện bà Út đã chết).

Vào năm 1992, cán bộ địa chính xã Thường Lạc (Nay phường An Lạc) có đo đạc diện tích đất thổ cư của ông để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Lúc đó ông và ông C1 thống nhất ranh với nhau để trồng trụ đá. Năm 2004 ông C1 tự ý trồng trụ đá ranh, ông có báo với ông Đinh Văn M (Là cha của ông C1) biết. Đến ngày 19/9/2017 thì ông C1 tự ý nhổ trụ đá và đổ cột cát nhà. Ông có làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân phường An Lạc yêu cầu giải quyết nhưng ông C1 vẫn ngang nhiên cố tình cất nhà và phần mái nhà lấn qua bên phần đất của ông. Thời điểm tranh chấp thì Ủy ban nhân dân phường An Lạc có mời hai bên đến giải quyết thống nhất chia đôi diện tích tranh chấp là chiều ngang 0,3m, chiều dài 87,5m cho mỗi bên là 0,15m. Sau đó, cán bộ địa chính và cán bộ Pháp chế đến đo đạc nhưng do lúc đó hai bên ranh đất trồng cây nhiều nên chưa kéo dây đo được và thống nhất khi nào chặt mé cây xong sẽ kéo dây đo lại. Bên ông đã thực hiện chặt mé cây, bên ông C1 thì không. Đối với hàng nóng đá theo hiện trạng đất là nóng nhà cũ của mẹ ông cách ranh đất khoảng 0,3m. Nhà mới cất lại thì nhỏ hơn nhà cũ nhưng hàng nóng đá vẫn giữ nguyên không có nhổ bỏ.

Do đó, ông yêu cầu hộ ông Đinh Văn C1 phải trả lại cho ông chiều ngang phía trước là 0,23m, ngang phía sau là 0,65m, chiều dài gồm các Mốc 11, 18 là 8,06m; Mốc 18, 15 là 16,22m; Mốc 15, 14 là 48,47m, tổng chiều dài là 72,75m với diện tích là $31,99m^2$ (Trong tổng diện tích $1.611m^2$, thuộc thửa 1646, tờ bản đồ số 02, tại phường An Lạc, thị xã H, di dời phần nhà và những tài sản có trên ranh đất tranh chấp trả lại như hiện trạng ban đầu.

Đối với nguồn gốc đất mà ông Đinh Văn M yêu cầu ông trả lại $300m^2$ (Phía sau hậu đất của ông M) là của ông nội ông là cụ Đinh Văn Mới cho ông

Đình Văn Ngộ là E ruột của ông nội của ông sử dụng vào năm 1975. Đến năm 1978 ông Ngộ đã trả lại cho ông (Do cụ Mới đã chết) vì ông là người thờ cúng ông bà nội nên ông Ngộ trả lại cho ông sử dụng đến nay. Lúc trả có ông Đình Văn Nững là cháu nội của ông Ngộ biết. Lúc ông Ngộ canh tác đất chỉ khai mở, canh tác được ngang khoảng 5m, dài trên dưới 30m. Sau này ông đã mở rộng thêm và sử dụng liên tục đến nay. Ranh phía trên giáp với ông Lê Văn Hóa, ranh phía dưới giáp với ông Trần Văn Tấn. Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992.

Việc ông M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông và buộc ông trả cho ông M phần đất phía sau hậu có diện tích 300m², thuộc một phần thửa 1643, tờ bản đồ số 2, đất tại phường An Lạc, thị xã Hồng không đồng ý. Vì đây là đất của ông được thừa hưởng của ông bà.

- Bị đơn ông Đình Văn C1 ủy quyền cho ông Đình Văn M đồng thời ông Đình Văn M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp nêu trên là của ông bà cho cha mẹ của ông là cụ Đình Văn Mới (Chết năm 1976) và mẹ là cụ Ngô Thị Hội (Chết năm 1971) thừa hưởng. Cha mẹ của ông có 03 người con gồm bà Đình Thị Hai (Đã chết), ông Đình Văn Hưng (Ông Hưng là cha của ông C) và ông là Đình Văn M. Bà Hai có chồng ở bên nhà chồng, ông Hưng chết vào năm 1958. Khi ông Hưng chết thì ông C còn nhỏ, ông C ở chung với ông bà nội là cha mẹ của ông. Còn ông thì thoát ly gia đình đi tham gia kháng chiến không có sống chung với cha mẹ. Vào năm 1976, cha của ông chia cho ông 01 phần đất tính từ ranh dưới giáp với ông Tấn lên chiều ngang 13m, chiều dài hết đất từ mặt tiền ra sau hậu rồi ông mới cất nhà lên đó. Cha mẹ của ông còn lại một phần đất và nhà hiện nay ông C đang sử dụng. Đến khi cha mẹ của ông qua đời nên ông C được thừa hưởng nhà và đất nói trên của cha mẹ ông. Hình dạng của miếng đất là hình chữ nhật, các cạnh của đất đều thẳng. Cha mẹ của ông cho ông đất chỉ nói miệng, không ai chứng kiến, không biết diện tích bao nhiêu. Chỉ cho biết từ tiền đến hậu có ông Đỗ Văn Long và ông Lê Văn Hóa biết việc này. Đến 1977 ông có xây cái hồ ở phía trước để làm máng cấp ranh đất đang tranh chấp, hiện giờ hồ này đã bị san lấp không còn. Đến năm 1980 ông cưới vợ cho con của ông là Đình Văn C1, ông và ông C1 ở chung nhà của ông. Năm 1985 ông đi làm ăn ở xã An Bình B, thị xã H và tạm giao căn nhà của ông cho ông C1 ở. Đến năm 2017 ông C1 có cất nhà lại nhưng vẫn y vị trí cũ. Phần nhà của ông ở

hiện nay thì vào năm 1991 ông trở về xây nhà kế bên nhà của C1 ở đến nay. Toàn bộ diện tích đất của ông được cha mẹ cho do ông quản lý sử dụng nhưng ông chưa đăng ký quyền sử dụng. Đối với phần đất ông C1 đang cất nhà ở khi nào giải quyết tranh chấp giữa ông C và C1 xong thì ông sẽ cho ông C1 luôn phần đất này. Ông C1 có nhờ trụ đá hàng rào chứ không phải là trụ đá ranh như ông C trình bày. Lúc đó có ông T và ông Bụng là thợ cất nhà cho C1 chứng kiến. Ông và ông C1 thống nhất ranh đất như Phường đã động viên và hai bên đã thống nhất xuống trụ ranh, không thống nhất ranh mà ông C đã chỉ theo sơ đồ số 65. Do đó, ông C1 không đồng ý trả lại cho ông C diện tích đất là $31,99\text{m}^2$ trong tổng diện tích 1.611m^2 , thuộc thửa 1646, tờ bản đồ số 02, tại, phường An Lạc, thị xã H, di dời căn nhà và những tài sản có trên ranh đất tranh chấp theo yêu cầu của Ông Đinh Văn C.

Ông xác định ranh giới đất của ông với ông C là từ Mốc 10, 11, 14, 15, 17 diện tích là 95m^2 và Mốc 14, 15, 16, 4 diện tích 10m^2 là phần đất của ông. Vì vậy ông C phải trả lại cho ông tổng diện tích đất là 105m^2 , tại khóm Còng Cộc, phường An Lạc, thị xã H. Về phần hàng nóng đá nhà cũ của mẹ ông C thì ông thống nhất theo trình bày của ông C.

Đối với phần đất phía sau hậu của ông hiện nay do ông C đứng tên quyền sử dụng là vào khoảng năm 1980 ông C mượn của ông để xạ lúa giống, diện tích trên dưới 300m^2 , thuộc một phần thửa 1643, tờ bản đồ số 2, tại phường An Lạc, thị xã H. Lúc mượn không có ai chứng kiến và không có viết giấy mượn gì cả, ông C sử dụng từ đó cho đến nay. Phần đất này trước khi cho ông C mượn thì ông không có sử dụng chỉ bỏ trống. Việc ông phát hiện ông C đứng tên quyền sử dụng phần đất này là do ông đi vào vùng kinh tế mới ở xã An Bình B, thị xã H làm ăn nên ông để căn nhà lại cho con ông là Đinh Văn C1 ở. Phần đất còn lại ở phía dưới nhà của ông thì có cho ông bác họ là Đinh Văn Luận cán bộ hưu trí ở tạm. Khi ông Luận chết bà vợ ông Luận không trả lại đất cho ông mà kêu ông bán lại cả nhà lẫn nền. Để tránh sự mất lòng nên ông mua lại căn nhà và nền. Lúc này ông không có tiền nên mượn quyền sử dụng đất thổ cư của ông C để vay Ngân hàng thì ông mới biết ông C lấy hết phần hậu đất của ông và ông C đã đăng ký quyền sử dụng đất, nhưng ông bỏ qua để tránh cảnh nhồi da xáo thịt, cốt nhục tương tàn.

Vì vậy, ông yêu cầu ông C trả cho ông 300m^2 đất thuộc một phần thửa 1643, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng đất trồng lúa, tại phường An Lạc, thị

xã Hdo ông Đinh Văn C đứng quyền sử dụng vào năm 1992 và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C đối với 300m² đất nêu trên (Theo đo đạc thực tế là 227m² trong phạm vi các mốc 6, 7, 8, 9, 6).

Ông thống nhất theo mảnh trích đo địa chính số 02-2019 ngày 22/4/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà là vợ ông Đinh Văn C1. Nguồn gốc đất là của ông nội chồng của bà là cụ Đinh Văn Mới cho cha chồng của bà là ông Đinh Văn M rồi ông M có cho vợ chồng bà cất nhà ở nhưng cha chồng chưa cất ra cho vợ chồng bà nên bà không có liên quan gì trong việc tranh chấp này.

+ Anh Đinh Thanh T và Đinh Phú T trình bày:

Việc tranh chấp về ranh đất giữa ông Đinh Văn C với cha của các anh là ông Đinh Văn C1 thì các anh thống nhất theo lời trình bày của cha các anh. Ngoài ra các anh không có ý kiến bổ sung và yêu cầu gì thêm.

+ Bà Nguyễn Thị Khánh V và anh Đinh Xuân N ủy quyền cho ông Đinh Hồng K trình bày:

Bà Nguyễn Thị Khánh V và anh Đinh Xuân N thống nhất theo trình bày của ông Đinh Văn C và không có ý kiến trình bày gì thêm.

+ Anh Phan Văn Út E trình bày:

Ông là con của ông Phan Văn Nghĩa nên được thừa hưởng diện tích mà cha của ông được cấp quyền sử dụng đất là 6.366m², tại thửa số 617, tờ bản đồ số 4, nhưng diện tích thực tế mà ông sử dụng là 05 C tầm cất. Vị trí đất này nằm ở phía sau hậu phần đất của ông Đinh Văn C. Theo C văn số 920/UBND-HC ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã Hcung cấp thông tin diện tích 980m² là thửa đất tranh chấp giữa ông Đinh Văn C với ông Đinh Văn M có dính với thửa 617 của ông là do cơ quan chuyên môn cấp sai vị trí đất trên bản đồ địa chính hay như thế nào ông không biết nhưng thực tế diện tích đất mà ông sử dụng giáp với đất sau hậu của đất ông C và có ranh giới rõ ràng. Đất của ông thì ông sử dụng còn đất của ông C thì ông C sử dụng. Từ đó cho đến

nay ông với bên ông C không có tranh chấp và ông cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

+ Ủy ban nhân dân thị xã Hdo ông Đặng Văn Ne đại diện theo ủy quyền trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Văn C là đúng trình tự thủ tục quy định. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phát sinh tranh chấp. Việc ông Đinh Văn M yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Văn C, Ủy ban nhân dân thị xã Hkhông có ý kiến. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Hgiải quyết đúng theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hđã xử.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn C.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn M.

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 1646 (tương ứng với thửa 96) của ông Đinh Văn C với thửa đất số 95 tên Đinh Văn C1 (Ông M), được xác định là đường thẳng nối qua các mốc 13, mốc 23, mốc 22, mốc 21, mốc 20, mốc 19 và mốc 1. Ranh đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, tài sản của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật (Kèm theo Mảnh trích đo số 02 -2019 ngày 22/4/2019 và Mảnh trích đo bổ sung 10 -2019 ngày 24/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H).

3/- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn M về việc yêu cầu ông C trả cho ông diện tích đất tích 227,0m², thuộc một phần thửa 1643, tờ bản đồ số 2, mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc tại khóm Công Cộc, phường An Lạc, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp, do ông Đinh Văn C đứng tên quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh Văn C.

4/ Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được điều chỉnh, bổ sung, thu hồi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí xE xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/11/2019 ông Đinh Văn M là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Yêu cầu ông Đinh Văn C trả lại cho ông diện tích đất 267m², tại thửa 1643, tờ bản đồ số 2, đất tại phường An Lạc, thị xã Hdo ông C đứng tên quyền sử dụng đất và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C phần diện tích 267m², tại thửa 1643 để cấp lại cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của mình và không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc ông Đinh Văn M cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 277m² trong phạm vi các mốc 6, 7, 8, 9, 6 ông được cha mẹ của ông cho ông vào năm 1976. Đến khoảng năm 1980 ông cho ông C mượn để xạ lúa giống, thuộc một phần thửa 1643, tờ bản đồ số 2, tại phường An Lạc, thị xã H. Vì vậy, ông yêu cầu ông C trả lại cho ông diện tích đất này là chưa phù hợp. Bởi vì, ông C không thừa nhận việc mượn đất của ông. Còn những người làm chứng cho ông là ông Lưu Văn Nhóc khai chỉ nghe ông M nói lại là cụ Mới

cho ông M một cái nền nhà là nhà mà ông C1 đang ở. Còn phía sau giáp vị trí nào và ranh giới tới đâu thì ông không biết, do ông không còn sống ở đây từ năm 1980 đến nay (BL 359). Còn ông Đỗ Văn Long khai ông M được cụ Mới cho đất từ tiền tới hậu đất sau là đất ruộng giáp với bờ đường nước và giáp với ông Nghĩa đang làm hiện giờ, vì ông thấy ai cũng sử dụng đất từ tiền tới hậu, chứ ông không biết ông M hay ông C được cụ Mới cho diện tích bao nhiêu và vị trí ranh như thế nào (BL 346). Do đó, không đủ căn cứ để xác định ông M cho ông C mượn $277m^2$ đất nêu trên. Hơn nữa, ông cũng thừa nhận từ năm 1980 đến nay phần đất này do ông C sử dụng chứ ông không có sử dụng. Năm 1996 khi ông mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C để vay tiền Ngân hàng thì ông cũng đã biết ông C đứng tên quyền sử dụng phần đất này nhưng ông không có tranh chấp. Khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án thì ông còn có ý kiến tại biên bản lấy lời khai ngày 05/01/2018 yêu cầu ông C trả lại cho ông diện tích đất từ mé đường nước nhỏ trở lên là 02m để ông dẫn bò (BL 84) và tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2018 ông yêu cầu ông C chừa 01m ở phần đất hậu phía sau để ông dẫn bò vô ra thì ông thống nhất hòa giải thành (BL 109). Sau đó, ông mới yêu cầu ông C trả lại $277m^2$ đất nêu trên là chưa phù hợp. Đồng thời, theo C văn số 1547 ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã H xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đúng theo trình tự thủ tục, tại thời điểm cấp giấy không phát sinh tranh chấp. Mặt khác, ông cũng không có chứng cứ chứng minh là cho ông C mượn đất. Ông C cho rằng đất tranh chấp là của ông nội ông là cụ Đình Văn Mới cho cụ Đình Văn Ngộ (E của cụ Mới) làm sau đó cụ Ngộ không làm nữa nên trả lại cho ông sử dụng. Vì lúc này cụ Mới đã chết, còn ông là người thờ cúng ông bà nội, có cháu nội của cụ Ngộ là ông Đình Văn Nững xác nhận. Ông C đã trực tiếp sử dụng C khai liên tục phần đất này trên 30 năm. Tại phiên tòa phúc thẩm ông M cũng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông về việc ông yêu cầu ông C trả lại $227m^2$ đất là có căn cứ.

[2] Đối với diện tích đất $40m^2$ trong phạm vi các mốc 4, 5, 6, 7, 4 và diện tích đất $10m^2$ trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 7, 8, 1 tiếp giáp với phần đất $227m^2$ nêu trên, tổng cộng $277m^2$ cũng do ông C quản lý sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M cho rằng là đất của ông M. Còn ông C cho

rằng là đất của ông C và yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần đất này không đồng ý trả theo yêu cầu của ông M là có căn cứ như đã phân tích ở trên. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chưa rõ ràng, cụ thể nên để thuận tiện cho việc thi hành án Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Xét ý kiến của vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M là chưa phù hợp như đã nhận định ở trên nên không chấp nhận.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do ông M là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 101, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn M.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã H.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn C.
4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Đinh Văn M.
5. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 1646 (Tương ứng với thửa 96) của ông Đinh Văn C với thửa đất số 95 tên Đinh Văn C1 (Ông M), được xác định

là đường thẳng nối qua các mốc 13, mốc 23, mốc 22, mốc 21, mốc 20, mốc 19 và mốc 1.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, tài sản của bên người nào lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

6. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn M về việc yêu cầu ông Đinh Văn C trả cho ông 227m² đất trong phạm vi các mốc 6, 7, 8, 9, 6 thuộc một phần thửa 1643, tờ bản đồ số 2, tại khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thị xã H, do ông Đinh Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Ông Đinh Văn C được quyền sử dụng diện tích 277m² trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 8, 1 thuộc một phần thửa 1643, tờ bản đồ số 2, tại khóm Cồng Cộc, phường An Lạc, thị xã H, do ông Đinh Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Kèm theo Mẫu trích đo địa chính số 10 -2019 ngày 24/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H).

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Về án phí:

Ông Đinh Văn C và ông Đinh Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

9. Về chi phí xE xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Tổng số tiền là 5.893.000 đồng. Ông Đinh Văn C chịu 2.820.000 đồng; Ông Đinh Văn M chịu 3.073.000 đồng (Đã nộp và đã chi xong).

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Nguyễn Tấn Tạng – Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Sỹ Danh Đạt

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt

